

THỬ BÀN VỀ CÁCH TIẾP CẬN “MẠNG QUAN HỆ QUỐC TẾ” THỜI TOÀN CẦU HÓA

Nguyễn Tâm Chiến *

Trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ đối ngoại trở thành xu hướng chính sách được nhiều nước theo đuổi. Hầu hết các nước đều cố gắng tìm cách cải thiện quan hệ quốc tế của mình nhằm tạo ra các điều kiện và vị thế quốc tế tốt nhất để tồn tại và phát triển. Có nhiều yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của xu hướng này. Trước hết, “Chiến tranh lạnh” giữa hai phe, hai siêu cường đã chấm dứt, trào lưu hòa bình, hợp tác phát triển trở thành xu thế chủ đạo. Thứ hai, quá trình toàn cầu hóa sâu rộng làm gia tăng hơn bao giờ hết không gian và lĩnh vực quan hệ đối ngoại của các nước, làm cho sự tùy thuộc nhau giữa các quốc gia về an ninh và phát triển tăng lên rõ rệt. Và sau cùng, nhưng không phải tất cả, là sự xuất hiện ngày càng nhiều những vấn đề toàn cầu đòi hỏi các nước phải tăng cường hợp tác cùng tham gia xử lý.

Tuy nhiên, tình hình thế giới luôn biến đổi khó lường. Do đó, mỗi quốc gia khi mở rộng các hoạt động quốc tế thời toàn cầu hóa càng phải nâng cao khả năng “chơi cờ tổng hợp”, phải linh hoạt tối đa, phải nhìn xa trông rộng, căn cứ vào vị trí và lợi ích của mình mà tìm ra các giải pháp tối ưu nhất về chính sách đối ngoại. Hay nói cách khác là phải xử lý tổng

* Đại sứ, Cố vấn cao cấp, Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao, Học viện Ngoại giao. Tác giả xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Nguyễn Vũ Tùng và TS. Phạm Quốc Trụ đã đóng góp ý kiến để hoàn thiện bài viết này.

hòa tốt nhất các mối quan hệ quốc tế (QHQT) trong một thế giới ngày càng đa dạng, phức tạp và biến đổi nhanh chóng.

Toàn cầu hóa và các yếu tố “nền” của quan hệ quốc tế

Các mối QHQT đều diễn ra trong môi trường quốc tế “nền” được kiến tạo bởi các thành tố chính sau: *Thứ nhất* là các xu thế khách quan của phát triển toàn cầu. *Thứ hai* là các chiều hướng chính trong quan hệ giữa các nước lớn và trung tâm, có tác động chi phối nhiều nhất đến cục diện chung. *Thứ ba* là trạng thái vốn có của các mối quan hệ đối ngoại của nước đó.

Mỗi thành tố biểu hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa. Trong ba thành tố trên thì thành tố thứ nhất và thứ hai mang tính chất “nền” và khách quan (riêng đối với các nước nhỏ và vừa), còn thành tố thứ ba là kết quả của những nỗ lực tương tác chủ quan của các quốc gia, mang tính nhân - quả ở một thời điểm nhất định và đây chính là yếu tố góp phần tạo tiền đề cho sự phát triển tiếp theo của các quan hệ đối ngoại.

Về thành tố thứ nhất, có thể nói xu hướng bao trùm hiện nay là toàn cầu hóa, vì thực chất đây là tiến trình phát triển khách quan của sức sản xuất thế giới - căn cứ quan trọng để xem xét QHQT. Không phải ngẫu nhiên người ta đang nói về “cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba” với sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất toàn cầu. Sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ (KH-CN) và việc hàng loạt nước như Nga, Đông Âu gia nhập kinh tế thị trường, Trung Quốc, Việt Nam và nhiều nước khác thực hiện chính sách mở cửa... đã làm cho toàn cầu hóa và tiến trình hội nhập nhiều mặt của các nước vào đời sống quốc tế càng sâu rộng. Toàn cầu hóa như con tàu tốc hành mà bất cứ nước nào muốn phát triển cũng phải có “lên tàu”, mặc dù không ít hiểm nguy. Hệ thống QHQT và các hoạt động đối ngoại của bất cứ quốc gia nào cũng đều vận hành trong môi trường tốc hành chi phối đó.

Về thành tố thứ hai, các nước lớn và một số trung tâm sức mạnh tất nhiên do yếu tố “lớn” mà có lợi thế và chủ động hơn. Trong quá khứ, thế giới đã từng trải qua những giai đoạn một đế chế “mặt trời không lặn”, hoặc “hai cực”, hai phe đối đầu nhau, và cũng đã từng có cục diện “đa cực”. Trong gần hai thập niên “hậu Chiến tranh lạnh” và “hậu Liên Xô” vừa qua, Mỹ là siêu cường duy nhất muốn thiết lập thế giới một cực nhưng đã thất bại. Có thể khẳng định rằng trong thời gian nhìn thấy được, không có nước nào đủ sức mạnh áp đảo để làm việc đó. Do vậy, nhiều ý kiến cho rằng cục diện thế giới đa cực đang hình thành ngày càng rõ nét hơn. Tuy nhiên, Mỹ vẫn là cực lớn nhất còn các nước lớn và trung tâm khác, nhất là Trung Quốc đang trên đà phát triển nhanh thành các cực lớn khác. Căng thẳng và hòa dịu giữa các cực lớn luôn phức tạp và tác động mạnh tới các nước vừa và nhỏ.

Thành tố thứ ba là các mối QHQT mà các nước đã thiết lập được nhằm khai thác tối đa các nguồn lực bên ngoài vì an ninh và phát triển của mình. Đây là “sản phẩm cuối cùng”, là thước đo hiệu quả của chính sách đối ngoại.

Từ trước đến nay, trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, người ta sử dụng nhiều cách tiếp cận. Về mô hình, đó là “đa cực” hay “hai cực”, hay “một siêu đa cường”, và theo đó dựng các tam giác, tứ giác chiến lược hay hình dung các “trục”. Về các yếu tố, đó là địa-chính trị hay địa-kinh tế. Về “cách chơi cờ” là theo chủ nghĩa đa phương hay đơn phương. Như đã đề cập, hiện nay đa số các nhà nghiên cứu nhận định cục diện “đa cực” đang là xu hướng phát triển thực tế của thế giới. Tuy vậy, có người đề xuất nên hình dung thế giới “đa dạng” thay vì nhìn nó “đa cực”,¹ có người lại đề cao ảnh hưởng của các nước lớn và hình dung cục diện thế

¹ Hồ Vũ, “Thử bàn về cục diện quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 2 (73), tháng 6/2008.

giới là “hình bóng” của các nước lớn che phủ...², hay người ta dùng mô hình của “trục và vành” với “các nan hoa xe đạp” để phân tích sự thay đổi các quan hệ thương mại do việc thiết lập vô số các khu mậu dịch tự do đan xen nhau.³

“Mô hình mạng” - Một cách tiếp cận mới

Khi thế giới đã trở nên phức tạp hơn, trong xu thế toàn cầu hóa, việc tìm ra cách tiếp cận QHQT cũng phải đổi mới. Để xây dựng chính sách đối ngoại, các chuyên gia thường lấy đất nước mình làm tâm điểm và dựng mô hình các hình tròn đồng tâm để chỉ ra thứ tự các đối tác theo ưu tiên và sự liên đới về lợi ích. Người Niu Di-lân dùng bản đồ mà đất nước nhỏ bé của họ đặt ở trung tâm, còn các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc v.v... chỉ được hiện hình không toàn phần ở các góc của bản đồ. Khi đánh giá chính sách đối ngoại, người ta chú trọng xem xét các yếu tố “địa-chính trị”, “địa-kinh tế” nhưng thời nay, theo tác giả của “Thế giới phẳng”,⁴ thì sự phát triển của các chuỗi giá trị về sản xuất hàng hóa và dịch vụ toàn cầu có vai trò còn lớn hơn các yếu tố địa-chính trị trong QHQT. Gần đây có người còn hình dung thế giới kinh tế không phải phẳng mà thậm chí “còn nghiêng hơn rất nhiều” do sự phát triển sâu của phân công lao động trải rộng trên toàn cầu.⁵ Khi đề cập đến các nhân tố quyết định chiều hướng của QHQT thì đại đa số các học giả đề cao trước hết lợi ích dân tộc - quốc gia. Những lợi ích này là “thước đo phẳng” đối với tất cả các mối QHQT từ khi các nhà nước-dân tộc hình thành. Nhận

² Cuộc gặp gỡ của các nhà nghiên cứu Việt Nam với GS. TS., cựu Đại diện Thương mại Mỹ S. Schwab (xem www.vietnamnet.vn ngày 30/11/2009) và GS. TS. J. Nye, tác giả “Sức mạnh mềm” (xem www.tuanvietnam.net ngày 13/1/2010).

³ Xem Phạm Quốc Trụ, “APEC và ý tưởng thành lập Khu vực Mậu dịch tự do châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 2 (81), tháng 6/2010, trang 27 - 28.

⁴ Thomas Friedman, *Thế giới phẳng*, Nxb. FSG, New York, 2005.

⁵ Edward Steinfeld, *Chấp nhận cuộc chơi của chúng ta*, MIT, 2009.

thức từ lâu về “không có kẻ thù hay bạn vĩnh viễn, mà chỉ có lợi ích là vĩnh viễn” nay dường như lại được xem là “tư duy mới” về QHQT.

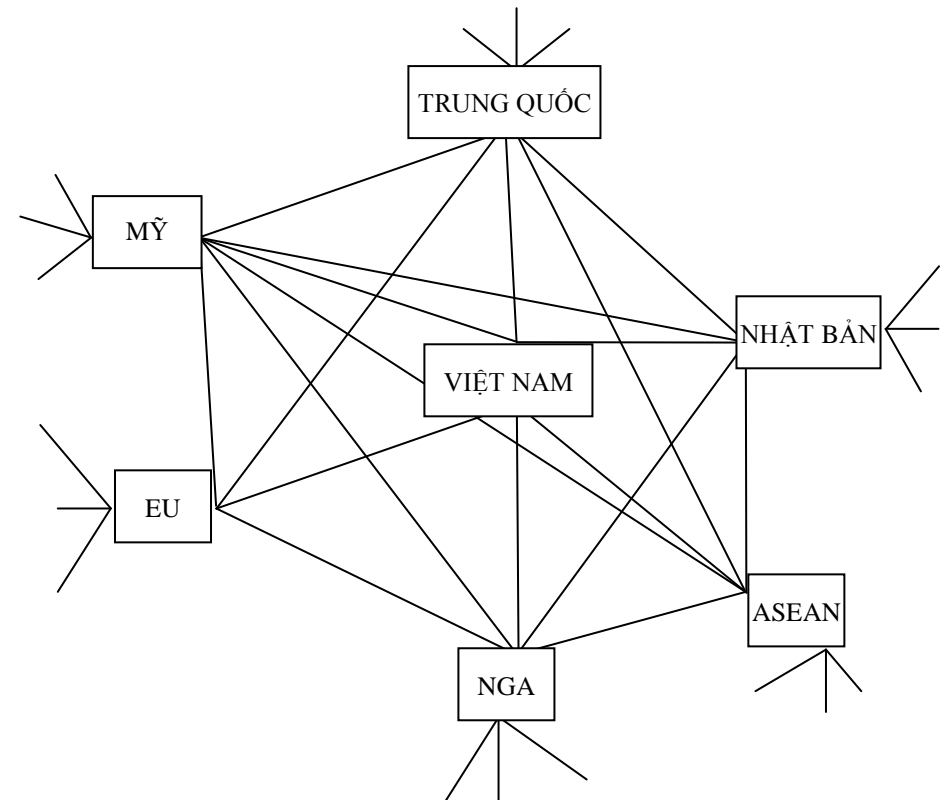
Thế giới thay đổi rất sâu rộng, Việt Nam cũng có vị thế là một nước có quan hệ đối ngoại rộng khắp và “bình thường nhất” chưa từng có. Đây là thời cơ to lớn, là “các yếu tố nền” để Việt Nam phát triển đối ngoại vì hưng thịnh của đất nước. Do đó, để kịp thời thay đổi mạnh mẽ hơn về tư duy và cách tiếp cận thế giới, Việt Nam cần trả lời các câu hỏi sau: “Trong khi đa dạng hóa, đa phương hóa, Việt Nam có nên chọn một số nước làm “đối tác chiến lược”?; “Những nước nào mới phù hợp cho lựa chọn đó?” và “Đâu là những lĩnh vực cần ưu tiên phát triển để đạt hiệu quả nhất?”...

Để trả lời những câu hỏi trên, theo tác giả, nên dùng mô hình “mạng” để xem xét hệ thống QHQT hiện nay cho cả ba trường hợp: Mạng của một nước, mạng của một khu vực hay mạng toàn cầu.

Trong mô hình “mạng”, mỗi quốc gia được biểu thị bằng một “nút” mạng và các quan hệ đối ngoại của nước đó được biểu thị bằng những “dây chằng” to nhỏ khác nhau (về mặt hình học, mạng ở đây được hiểu là sự mô phỏng theo không gian ba chiều). Với mô hình mạng này, ta có thể hình dung sự phát triển các mối quan hệ quốc tế đa dạng, đa phương đến đâu và quan trọng là có thể xem xét độ cân bằng của mạng ở từng quốc gia, từng khu vực và thậm chí toàn cầu, từ đó có thể nêu các phương án chọn lựa mạng. Điều này là quan trọng cho tiến trình xây dựng chính sách đối ngoại. Quá trình phát triển của QHQT là đi từ một trạng thái cân bằng này đến một trạng thái cân bằng khác. Khi xảy ra chiến tranh lớn hoặc xung đột cục bộ, mạng có thể sẽ bị vỡ, nhưng rồi lại có sự cân bằng mới, và vị trí của các mắt mạng thay đổi tương ứng theo sắp xếp mới. Đối với một nước trong điều kiện ổn định, hòa bình, việc hoạch định và

thực hiện chính sách đối ngoại thực chất là tìm ra các đối tác và lĩnh vực ưu tiên để mở rộng quan hệ nhằm củng cố sự cân bằng của mạng QHQT của nước đó vì an ninh và phát triển.

Theo cách tiếp cận trên, ta có thể hình dung mạng các QHQT của Việt Nam hiện nay như sau (với số lượng nước, tổ chức đặc trưng):



Theo mô hình mạng trên ta có các dây chằng song phương trực tiếp giữa Việt Nam và các nước (ví dụ Việt Nam - Trung Quốc) và các dây chằng gián tiếp chỉ các quan hệ giữa các nước thứ ba với nhau (ví dụ Trung Quốc - Mỹ).

Độ cân bằng của mạng là hệ quả tổng hợp của sức kéo - đẩy (hay là sức chằng) trực tiếp và gián tiếp liên hệ với nhau theo phương trình:

Độ cân bằng của mạng = F (sức kéo-đẩy trực tiếp, sức kéo-đẩy gián tiếp).

Sức kéo-đẩy trực tiếp được tạo ra do những quan hệ (dây chằng lợi ích) song phương trực tiếp giữa một quốc gia với bên ngoài. Các mối quan hệ giữa các nước thứ ba tác động gián tiếp mạnh hay yếu đến độ cân bằng mạng của nước ta không những tùy thuộc vào sức kéo-đẩy song phương mà còn tùy thuộc vào sức kéo-đẩy giữa họ với nhau. Để đạt được độ cân bằng tối đa, có nhiều kịch bản và phương án theo điều kiện cụ thể của từng nước và phụ thuộc vào các yếu tố nền của QHQT. Trong môi trường chung của các xu hướng phát triển khách quan, một nước có quan hệ với nhiều nước lớn và lấy đó làm “mạng khung” quan trọng nhất, nhưng cũng có nước dựa vào “mạng khu vực” là chính để tạo dựng cân bằng khi các nước lớn không có ảnh hưởng đáng kể ở khu vực đó. Các nước lớn thì thường chú trọng đến “mạng nước lớn”, còn các nước vừa và nhỏ dù có ý chí và nội lực dân tộc cao đến đâu cũng phải tính đến sức kéo-đẩy của các nước lớn. Và trong các trường hợp đó, thay vì dùng khái niệm “độ cân bằng”, ta nên dùng khái niệm “độ thăng bằng” để phản ánh vị thế “bị tác động” nhiều hơn của các nước vừa và nhỏ. Cũng vì thế, hợp lý nhất là không nên dùng lẫn lộn giữa các mô hình “tam, tứ giác chiến lược” với các “nút mạng” - gồm cả các nước lớn và các nước vừa và nhỏ - mà mô hình “mạng” là một công cụ hữu hiệu giúp tránh được điều này.

Sức kéo-đẩy trên đây được tạo ra thông qua các quan hệ cụ thể trong nhiều lĩnh vực của QHQT. Theo đó, những dây chằng biểu thị các quan hệ về an ninh - quân sự có thể là quan trọng nhất, sau đó là quan hệ kinh tế. Sức chằng của hai loại quan hệ này là lớn hơn so với các quan hệ

chính trị, văn hóa hay các lĩnh vực quan hệ khác. Trong bốn nhóm quan hệ này, quan hệ quân sự là không phổ biến, tùy theo nước nghiên cứu có hay không các quan hệ an ninh tay đôi hay tham gia các liên minh quân sự. Trong khi đó quan hệ kinh tế hầu như là phổ biến, là cơ sở thúc đẩy quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực khác thậm chí có nhiều trường hợp “dây chằng” kinh tế không bị đứt dù có xung đột vũ trang. Vì vậy, khi nói đến độ cân bằng của mạng thì trước hết cần xem xét các quan hệ về quân sự và kinh tế của nước đó với bên ngoài. Đây là những lợi ích chiến lược của một quốc gia, có sức giằng kéo mạnh nhất, còn quan hệ chính trị thực ra rất dễ thay đổi, thậm chí là đứt đoạn chỉ vì một lý do hay sự cố nào đó, và giao lưu về văn hóa (với nghĩa hẹp của từ này) nhìn chung mang ý nghĩa hỗ trợ cho QHQT.

Hiện nay các học giả và chính trị gia bàn nhiều đến khái niệm “sức mạnh mềm” trong bối cảnh Mỹ suy giảm về vị thế và ảnh hưởng quốc tế. Theo đó, “mạng” được hình dung bằng các dây chằng “cứng” là các quan hệ quân sự, an ninh, kinh tế và các dây chằng “mềm” là các thành tố văn hoá - truyền thống dân tộc và sức “hấp dẫn” của quốc gia. Vai trò của các dây quan hệ “cứng” hay “mềm” cũng tùy điều kiện và trường hợp cụ thể. Thời kỳ “Chiến tranh lạnh”, do sự đồng nhất về chính trị và hệ tư tưởng mà các dây chằng này có tác động mạnh đến QHQT. Tuy nhiên, thực chất các cuộc chiến tranh, khủng hoảng “mạng” xuất phát từ lợi ích, tham vọng dân tộc hoặc ý chí của giới cầm quyền là chính. Do vậy, yếu tố đồng nhất trên đã không ngăn ngừa được xung đột vũ trang giữa các nước. Từ cuối những năm 80 của thế kỷ 20, khi toàn cầu hóa bước vào giai đoạn phát triển mạnh, có ý kiến cho rằng sự tùy thuộc về kinh tế tăng lên sẽ hạn chế khả năng xung đột quân sự giữa các quốc gia. Song ý kiến này cũng chỉ mang ý nghĩa tương đối vì như đã đề cập, có nhiều trường hợp chiến tranh nổ ra là do yếu tố “ý chí chính trị” là chính.

Độ cân bằng và sự ổn định

Vấn đề tiếp theo là độ cân bằng của mạng QHQT và độ ổn định về môi trường quốc tế không phải là một, mà cái sau tùy thuộc ở cái trước. Ở một thời điểm xác định, độ ổn định còn tùy thuộc vào việc xử lý nguy cơ khủng hoảng. Mỗi liên hệ qua lại này có thể được biểu thị bằng công thức:

$$\text{Độ ổn định của môi trường} = \frac{\text{Độ cân bằng của mạng}}{\text{Nguy cơ khủng hoảng}}$$

Theo công thức này, độ ổn định của môi trường quốc tế tỷ lệ thuận với độ cân bằng của mạng QHQT và tỉ lệ nghịch với các nguy cơ khủng hoảng. Đến lượt nó, nguy cơ khủng hoảng tùy thuộc nhiều vào xu hướng phát triển của tình hình, bối cảnh (thành tố thứ nhất và thứ hai trên đây). Muốn có độ cân bằng tốt cần nỗ lực tăng cường bốn lĩnh vực: a) Không ngừng phát triển bản thân nhằm tăng sức mạnh - hay là gia tăng sức kéo của nút mạng; b) Nỗ lực phát triển các quan hệ quốc tế đa phương và đa dạng để tạo sức chằng tổng thể ngày càng lớn với độ cân bằng cao; c) Xây dựng mô hình cân bằng mạng phù hợp vị trí của quốc gia mình, và phân đấu thông qua các hoạt động đối ngoại, luôn đi đúng xu thế chung, đạt được tới mức có thể với mô phỏng lý thuyết đó; và cuối cùng là d) Xây dựng các kịch bản khủng hoảng, các phương án phòng ngừa và ứng xử tương ứng. Thế cân bằng tốt là giữ được cho “nút mạng” không bị dao động quá một biên độ nguy hiểm, trong cả những trường hợp mạng bị vỡ lớn hoặc vỡ cục bộ. Các cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997, 2008-2009 đều cho thấy mức tác động rõ rệt đến độ cân bằng mạng của từng nước. Năng lực tránh được các khủng hoảng là sự thể hiện mức độ cân bằng cao và tầm ứng xử chiến lược đối ngoại của một nước. Trong trường hợp các nước lớn, do có sức kéo-đẩy lớn hơn các nước vừa và nhỏ

nên họ chủ động và có ưu thế hơn trong việc kiến tạo mạng có độ cân bằng. Mặt khác, khi các “nút” lớn bị chao đảo thì cả mạng QHQT khu vực và toàn cầu cũng bị xáo động theo. Trước sự suy yếu của Mỹ và sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, những chiến lược gia đối ngoại của Mỹ như Kissinger, Brezinski - là những người theo thuyết cân bằng quyền lực giữa các nước lớn với Mỹ là trung tâm - và các chuyên gia của chính quyền Obama đã đưa ra các khuyến nghị “chơi cờ nước lớn” ra sao để mong tiếp tục duy trì được vị trí lãnh đạo của Mỹ.⁶ Những điều chỉnh chính sách của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc và một số nước lớn khác - một thành tố nền trên đây - sẽ tác động lớn và phức tạp đến độ cân bằng và tính ổn định của mạng QHQT.

Mô hình mạng qua thực tế

Việc áp dụng mô hình mạng trên đây để nghiên cứu QHQT đặc biệt là đánh giá mức độ cân bằng của chúng không đơn giản. Khó nhất là có nhiều yếu tố tính toán rất khó lượng hóa hoặc chưa thể lượng hóa được ở thời điểm hiện tại. Bước đầu để minh họa cách tiếp cận mạng, ta có thể xem xét một vài thực tiễn sau đây.

Đối với Việt Nam, nhìn vào mạng quan hệ thương mại của Việt Nam hiện nay, ta thấy “nút mạng” đã được “chằng” với bên ngoài bằng các dây mạng đa phương nhiều chiều, và nhờ đó mạng đã có độ cân bằng tương đối khá tốt. Độ cân bằng được định lượng bằng tỉ lệ xuất siêu (+) và nhập siêu (-) của tổng kim ngạch và trong quan hệ buôn bán với từng đối tác. Tuy còn trong tình trạng nhập siêu nói chung (bị sức đẩy lớn hơn sức kéo), và tổng kim ngạch còn khiêm tốn (dây chằng còn nhỏ), nhưng

⁶ Xem phát biểu nhậm chức của Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton ngày 22/1/2009; Các phát biểu của Kissinger, Brezinski nhân dịp kỷ niệm 30 năm quan hệ Mỹ - Trung (2009) v.v...

trạng thái đa dạng, đa phương của mạng quan hệ thương mại hiện có (phân bố tương đối đều với các đối tác chính như với Mỹ 15 tỷ USD, với Nhật 7 tỷ USD, với EU 8 tỷ USD, với ASEAN hơn 10 tỷ USD...) ⁷ đã góp phần quan trọng vào thiết lập môi trường quốc tế thuận lợi, bước đầu tạo ra những dư địa cho sự linh hoạt về kinh tế đối ngoại, tăng khả năng ứng phó khi có khủng hoảng mạng. ⁸ Tình thế hiện có khác xa thời “nhất biên đảo”, hay những năm bị bao vây cấm vận trước đây. Sức chằng nhờ các dây mạng quan hệ kinh tế chính là yếu tố hàng đầu để gia tăng tính tùy thuộc nhau về lợi ích. ⁹ Sức chằng nhờ các dây quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước là yếu tố quan trọng để Việt Nam và các quốc gia liên quan phải tính toán hơn khi lựa chọn phương án ứng xử trong quan hệ với nhau.

“Mạng” của Nhật Bản là một trường hợp khác. Từ sau “Chiến tranh lạnh”, trước những thay đổi lớn trên thế giới, Nhật Bản đã nỗ lực đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế của mình. Mạng QHQT của Nhật Bản đã mở rộng đáng kể mặc dù Nhật chưa có điều kiện để tiến hành chính sách đối ngoại độc lập và chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa như một số nước khác do sự ràng buộc về Hiến pháp và Hiệp ước an ninh với Mỹ. Trong mạng quan hệ đã thiết lập, “nút mạng - nước Nhật” có các dây chằng quan hệ phát triển với các nước và trung tâm chủ yếu như: Mỹ, Trung Quốc, Tây Âu, ASEAN, Nga, Ô-xtrây-li-a trong đó có quan hệ toàn diện với Mỹ và Tây Âu (riêng quân sự với Tây Âu thì hạn chế). Còn với “mắt mạng” là Trung Quốc chẳng hạn, thì quan hệ kinh tế -

⁷ Số liệu năm 2009 làm tròn theo các nguồn của Tổng Cục Thống kê Việt Nam.

⁸ Có tính toán cho rằng nếu nhập khẩu một mặt hàng nào đó từ trên 8% tổng nhu cầu là bắt đầu có sự phụ thuộc với bên ngoài. Tỷ trọng thị trường Mỹ trong tổng kim ngạch của Việt Nam năm 2009 là khoảng 10% và thị trường Trung Quốc là 13%.

⁹ Có tính toán cho rằng nếu nhập khẩu một mặt hàng nào đó từ trên 8% tổng nhu cầu là có thể bắt đầu có sự phụ thuộc về mặt hàng đó từ bên ngoài.

thương mại giữa Nhật Bản và Trung Quốc đã phát triển, thậm chí kim ngạch thương mại Nhật - Trung hiện đã vượt kim ngạch Nhật - Mỹ, và độ tùy thuộc đã đạt đến mức “nếu Trung Quốc không mua bất cứ sản phẩm nào của Nhật chỉ trong một ngày thì 1.000 xí nghiệp của Nhật sẽ phá sản. Nếu việc đó kéo dài trong 6 tháng thì 50% số người làm công ăn lương của Nhật sẽ thất nghiệp, và nếu kéo dài tình trạng Trung Quốc không mua hàng Nhật một năm thì nền kinh tế Nhật sẽ bị giết chết!”. ¹⁰ Về quân sự, Nhật chỉ có quan hệ liên minh với Mỹ mà không có quan hệ gì đáng kể với Trung Quốc. Quan hệ chính trị Nhật - Trung nói chung chưa ổn định, đang trong quá trình xây dựng lòng tin và khôn khéo thích hợp, giao lưu văn hóa chưa nhiều. Về sức mạnh quốc gia, tuy Nhật Bản là một cường quốc về kinh tế nhưng sức mạnh mềm chỉ ở mức trung bình. Các mối quan hệ gián tiếp như Mỹ - Trung, Mỹ - Hàn, Trung - Hàn có giá trị đáng kể đối với cân bằng mạng QHQT của Nhật Bản tại Đông Á. Nhìn tổng thể, độ cân bằng đó còn rất nhạy cảm với các thay đổi trong quan hệ giữa các nước lớn, nhất là trong quan hệ Mỹ - Trung. Mới đây nhất là sự căng thẳng đầu năm 2010 giữa Mỹ và Trung Quốc và giữa Trung Quốc với Nhật Bản đã buộc Nhật phải điều chỉnh chính sách theo hướng củng cố hơn nữa quan hệ với Mỹ theo Hiệp ước đồng minh, mặc dù trước đó Nhật đã có nhiều nỗ lực nồng ấm với Trung Quốc. Hay ngay trong ngày Trung Quốc ký Hiệp định Thương mại tự do với Đài Loan (ngày 29/3/2010), Nhật đã phải triệu tập nội các để đánh giá và bàn biện pháp ứng xử kịp thời. Như vậy là, khi đứng trước nguy cơ, các yếu tố như quan hệ toàn diện về quân sự và kinh tế với Mỹ và quan hệ kinh tế - thương mại với Trung Quốc là có ý nghĩa nhất để Nhật tính toán các phương án về đối ngoại. Do độ cân bằng còn rất nhạy cảm nên có thể cho rằng Nhật tiếp tục có nhu cầu cao về phát triển mạng QHQT của mình

¹⁰ “Về sự tùy thuộc Nhật - Trung”, VOA, ngày 19/4/2002.

theo hướng đa phương hóa trong những năm tới để gia tăng độ ổn định của mạng.

Trong ASEAN có trường hợp Ma-lai-xi-a khá điển hình. Dưới thời Thủ tướng Mahathir, nước này tiến hành chính sách đối ngoại độc lập. Về quân sự, Ma-lai-xi-a mua vũ khí cả của Mỹ, Liên Xô (và Nga sau này). Về kinh tế, ngoài quan hệ với Mỹ và phương Tây thì Ma-lai-xi-a rất coi trọng mối quan hệ với thế giới Hồi giáo (có thể cũng nhờ đó mà Ma-lai-xi-a đã huy động được những nguồn vốn quan trọng giúp nước này vượt qua cuộc khủng hoảng năm 1997 dễ dàng hơn các nước ASEAN khác). Tuy nhiên, chính sách phát triển kinh tế dựa quá nhiều vào “thay thế nhập khẩu” lại là một thất bại đối với nước này. Dù sao, nhìn tổng thể thì Ma-lai-xi-a đã có được một mạng quan hệ quốc tế đạt sự cân bằng tương đối tốt nhờ nỗ lực phát triển nội lực và xây dựng một mạng quan hệ quốc tế đa dạng, qua đó củng cố sự độc lập về đối ngoại.

Thay lời kết

Bài viết này mới chỉ là những suy nghĩ ban đầu về cách tiếp cận quan hệ quốc tế bằng mô hình mạng trong điều kiện bình thường của môi trường quốc tế, trên cơ sở xem xét đến đại đa số các nước đã tham gia vào quá trình toàn cầu hóa. Theo đó, như đã nói ở trên, “sức chằng” của các “dây mạng” về quân sự và kinh tế là mạnh hơn so với các quan hệ khác. Đối với những nước đang đứng ngoài quá trình của toàn cầu hóa hoặc đang ở trạng thái “bất thường” như bị bao vây cấm vận toàn bộ hay từng phần thì cách tiếp cận cần linh hoạt hơn.

Quan niệm theo mô hình mạng đưa QHQT gắn lại với thực quan cũng chỉ là một cách tiếp cận trong nhiều cách tiếp cận QHQT. Đối tượng nghiên cứu của nó là hệ thống QHQT nên định lượng các yếu tố theo các công thức trong bài viết chỉ là một thử nghiệm, cần nhiều công

sức nghiên cứu hơn. Trong thế giới toàn cầu hóa, sự phát triển QHQT đa phương, đa dạng làm cho độ phức tạp của mạng quan hệ xã hội đặc thù này ngày càng cao. Nỗ lực gia tăng mức độ hay là thế cân bằng của quốc gia trong thế giới đương đại có những mặt thuận nhất định song nhìn chung khó khăn hơn nhiều vì nó thực sự giống như chơi cờ tổng hợp. Dù sao cách tiếp cận mạng có thể giúp các nhà nghiên cứu có một phương thức hình dung mạng đối ngoại tối ưu có thể cho quốc gia, xác định được tầm quan trọng của từng mối QHQT trong tổng mạng, góp phần chỉ ra được các đối tác và quan hệ ưu tiên để thúc đẩy chính sách đa dạng hóa và đa phương hóa có hiệu quả nhất. Các quốc gia không thể chọn “đối tác chiến lược” hay “làm bạn” với bất cứ ai một cách thiếu cơ sở dù việc xác định đối tác, bạn bè... nói cho cùng cũng chỉ là phương tiện cho việc đạt mục tiêu đối ngoại../.